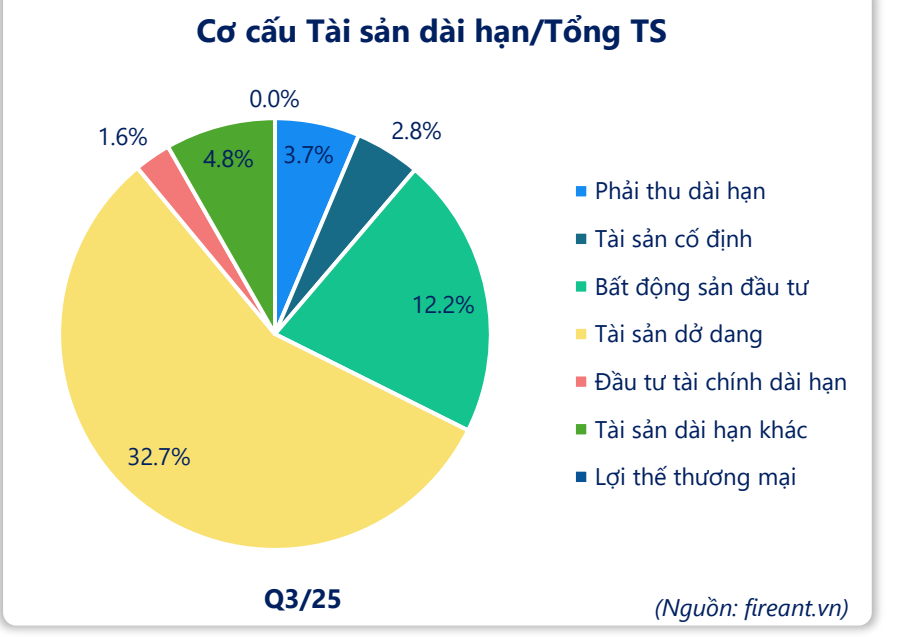
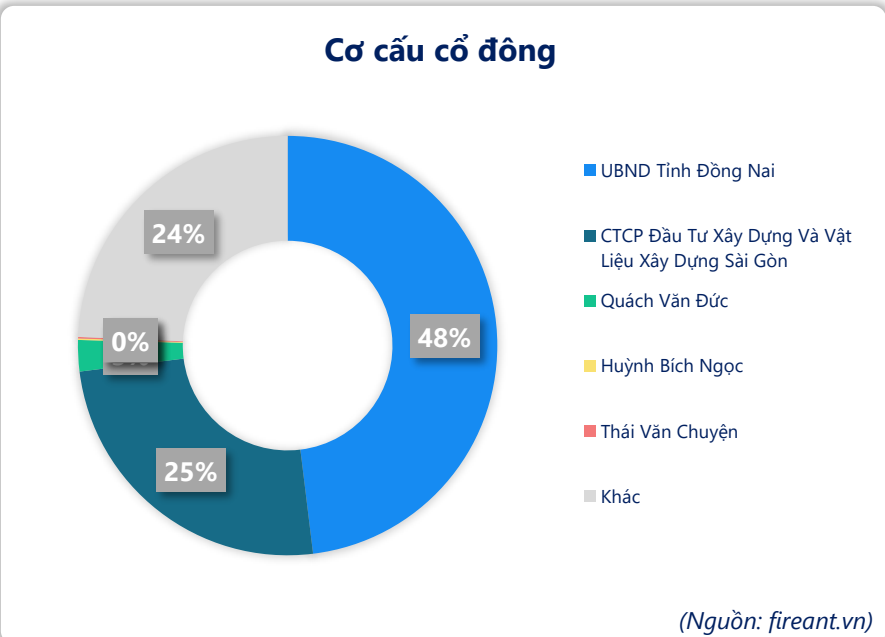
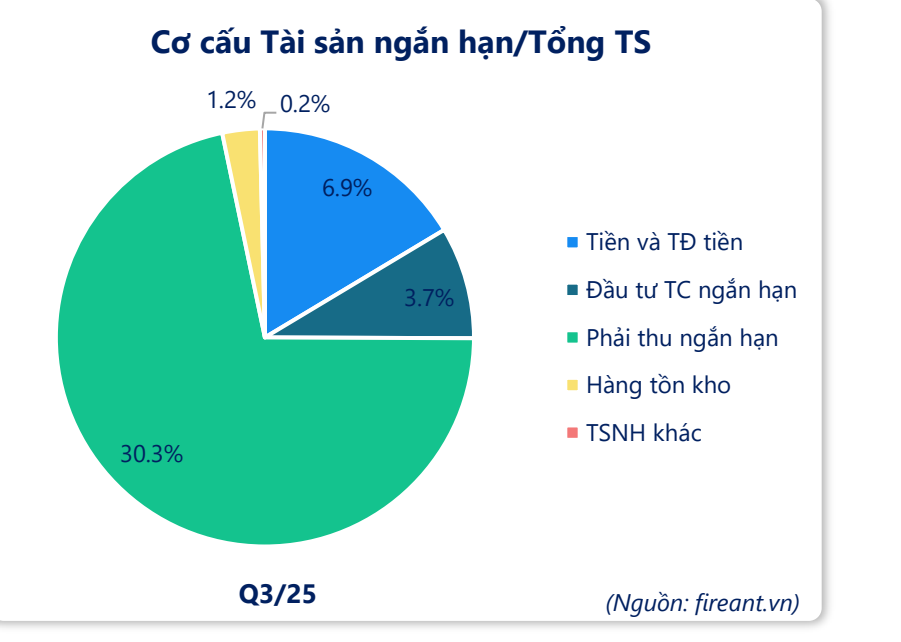
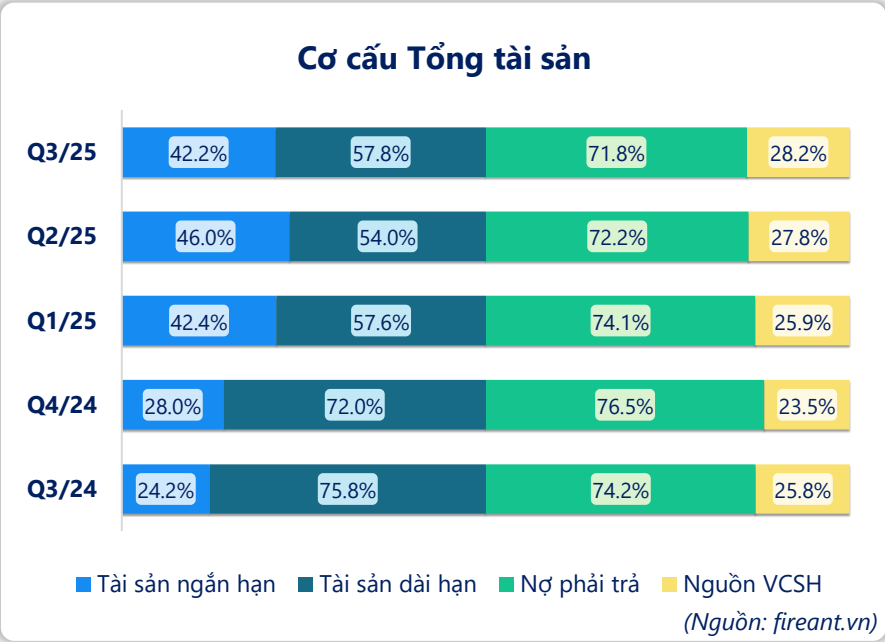
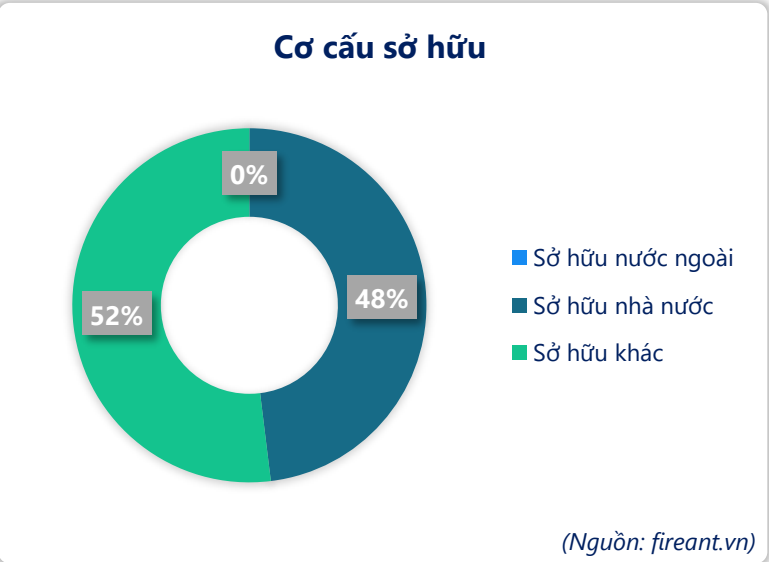
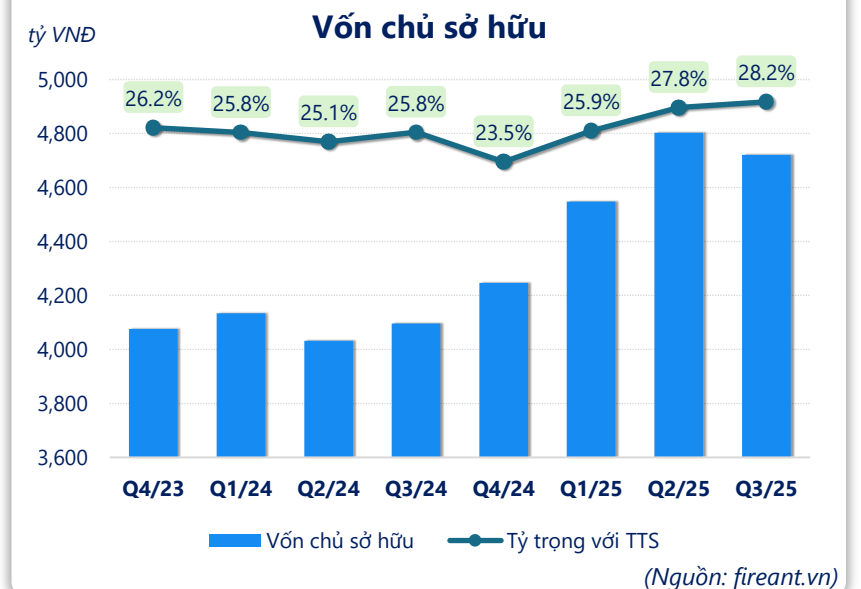
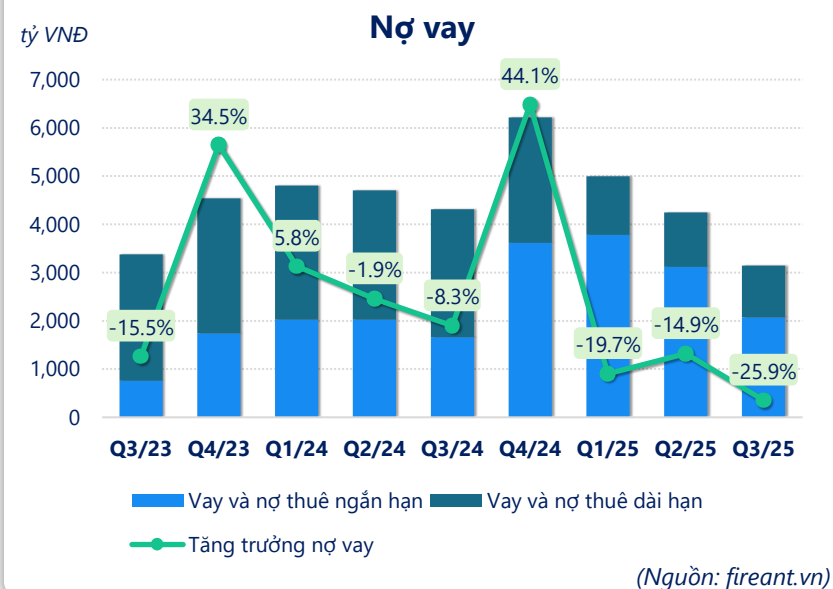
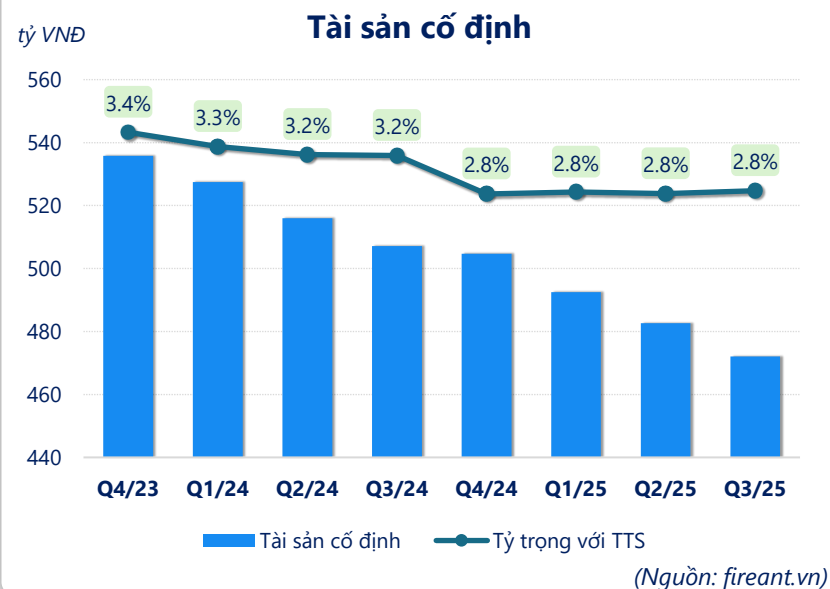
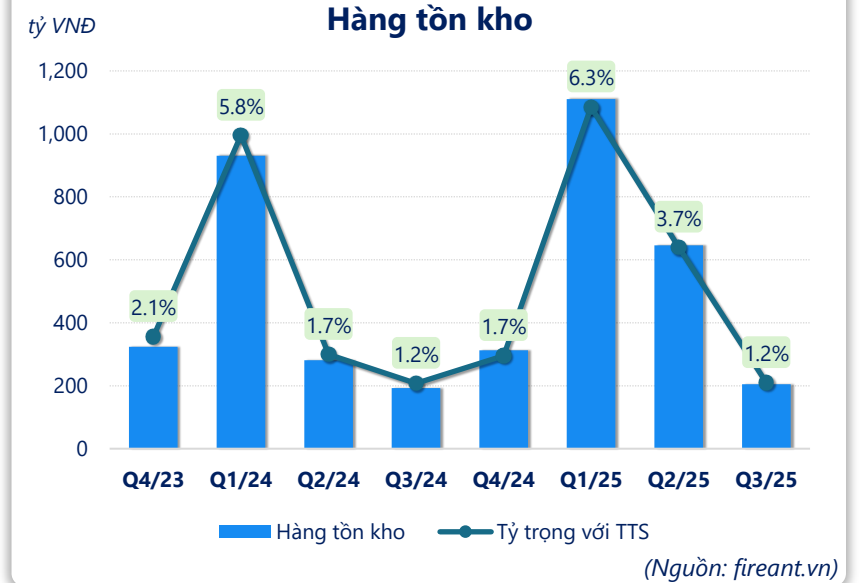
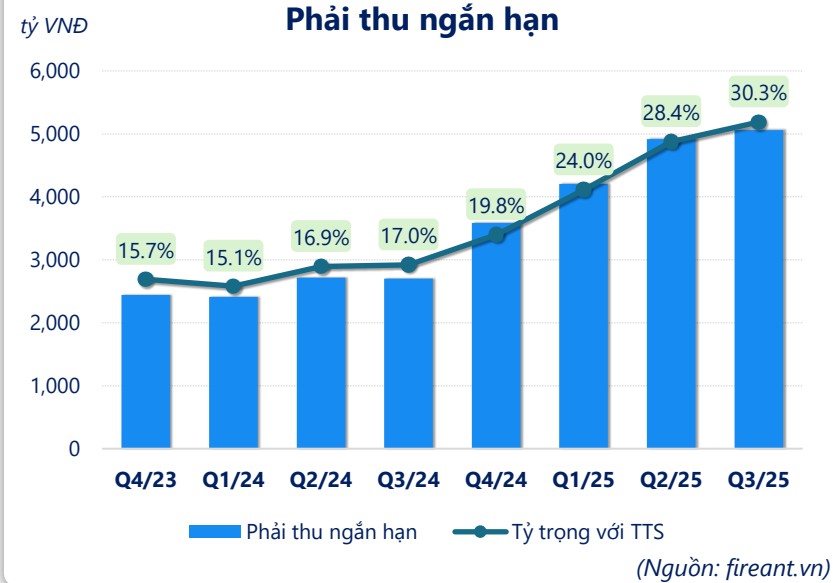
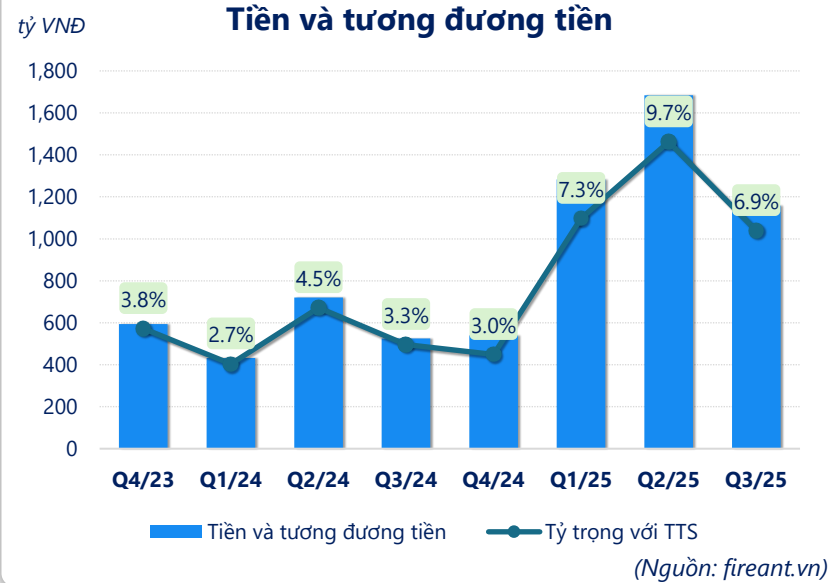
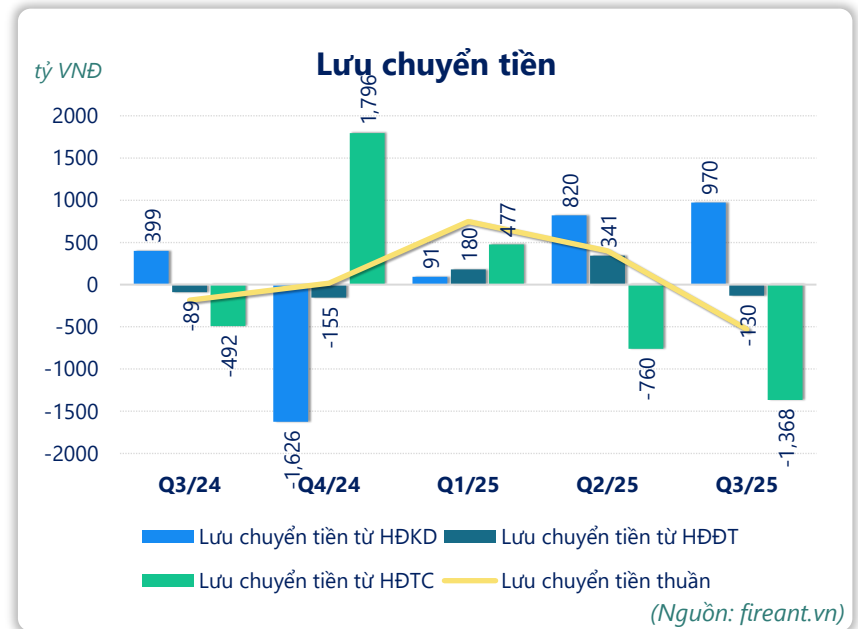
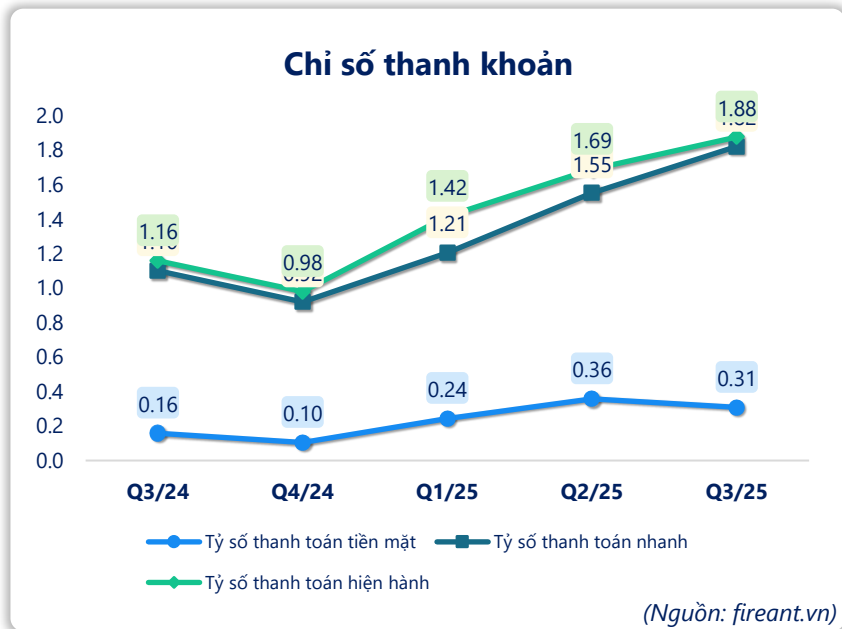
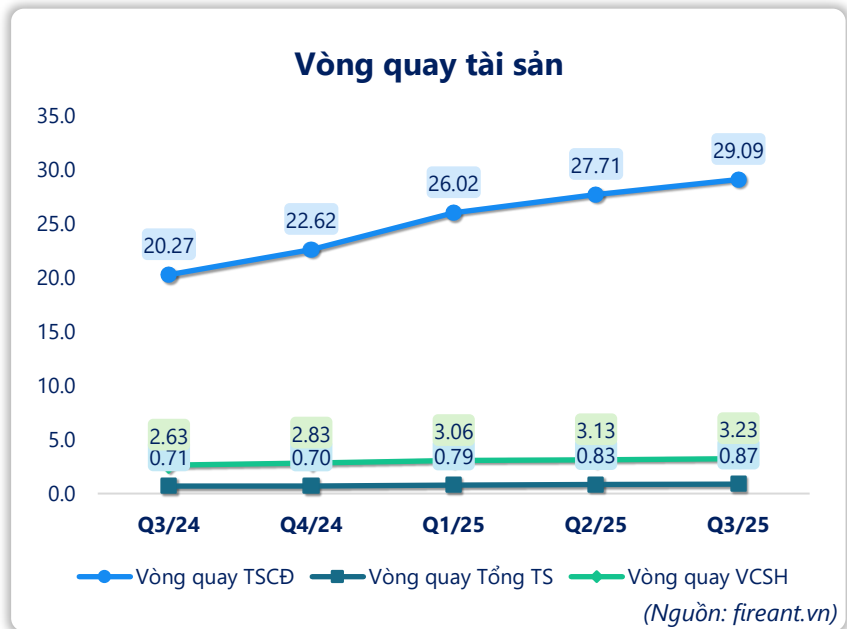
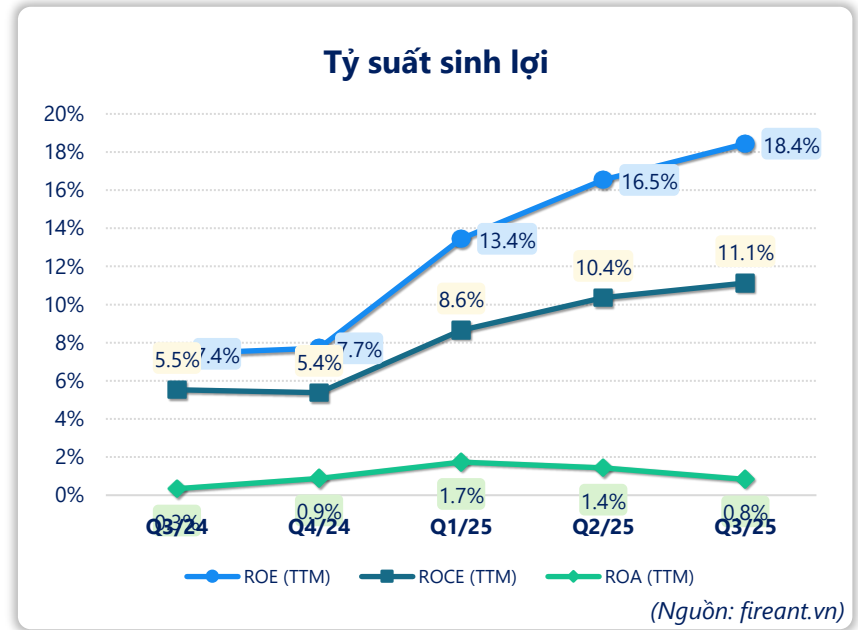
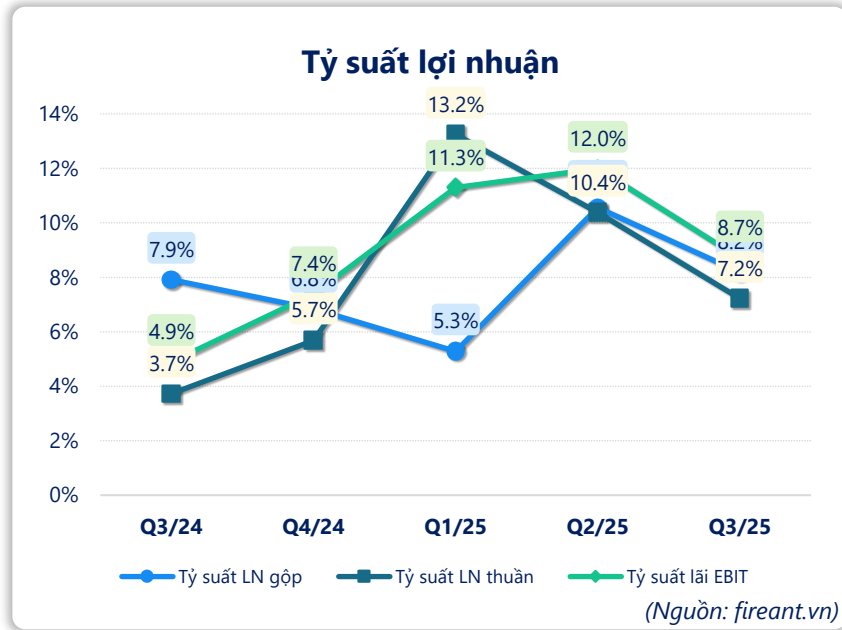
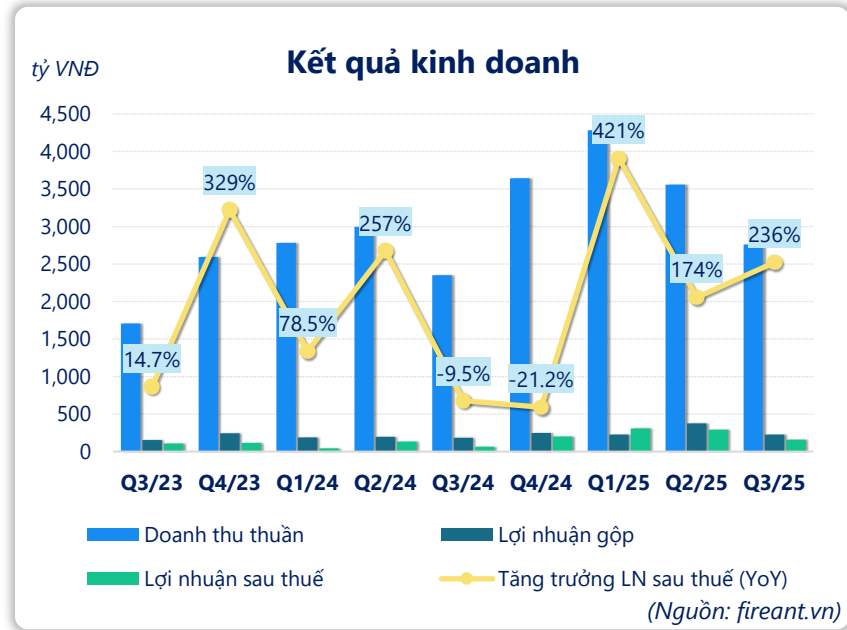


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		24,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		28,023
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		19,866
SL cổ phiếu LH		200,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		6,590
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		4,840
P/E		6.0
EPS		4,064

	YTD	1T	3T	6T
TID	5.9%	-3.2%	7.3%	-10.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	16,720	18,081	-7.5%
Tài sản ngắn hạn	7,062	5,067	39.4%
Tiền và tương đương tiền	1,158	537	116%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	612	563	8.6%
Phải thu ngắn hạn	5,060	3,590	41.0%
Hàng tồn kho	204	312	-34.4%
Tài sản ngắn hạn khác	27.1	65.8	-58.8%
Tài sản dài hạn	9,658	13,014	-25.8%
Phải thu dài hạn	613	1,043	-41.2%
Tài sản cố định	472	504	-6.4%
Bất động sản đầu tư	2,041	2,058	-0.8%
Tài sản dở dang	5,469	8,333	-34.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	266	267	-0.4%
Tài sản dài hạn khác	797	808	-1.3%
Lợi thế thương mại	0	0.49	-100%
Nợ phải trả	11,999	13,865	-13.5%
Nợ ngắn hạn	3,763	5,150	-26.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,072	3,615	-42.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	330	182	81.0%
Nợ dài hạn	8,236	8,715	-5.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,074	2,601	-58.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,721	4,217	12.0%
Vốn chủ sở hữu	4,721	4,217	12.0%
Vốn điều lệ	2,000	2,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.08	0.08	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	2,349	3,643	4,283	3,558	2,761
Giá vốn hàng bán	2,163	3,394	4,056	3,183	2,535
Lợi nhuận gộp	186	249	226	376	226
Doanh thu HĐTC	28.7	114	480	165	85.0
Chi phí TC	47.9	50.7	61.2	65.8	39.6
Chi phí lãi vay	31.9	42.6	57.2	61.4	41.4
LN trong công ty LKLD	3.40	-1.71	1.54	3.25	1.35
Chi phí bán hàng	29.6	37.2	34.5	42.5	35.5
Chi phí QLDN	52.9	66.8	45.0	66.1	37.9
LN thuần từ HĐKD	87.6	207	567	369	199
Lợi nhuận khác	-4.47	19.3	-140	-4.14	-0.35
LN trước thuế	83.1	226	427	365	199
Lợi nhuận sau thuế	62.6	203	309	293	159
LNST của CĐ cty mẹ	51.8	147	292	240	134

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	399	-1,626	91.3	820	970
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-89.0	-155	180	341	-130
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-492	1,796	477	-760	-1,368
Tiền đầu kỳ	720	525	537	1,282	1,685
Lưu chuyển tiền thuần	-182	15.2	748	400	-528
Ảnh hưởng tỷ giá	-13.0	0.72	-1.87	2.06	1.78
Tiền cuối kỳ	525	541	1,282	1,685	1,158

(Nguồn: fireant.vn)